

Số: /CTHGI-TTHT
V/v Triển khai Nghị định số
91/2022/NĐ-CP của Chính phủ

Hà Giang, ngày tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Các Tổ chức, cá nhân người nộp thuế
trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Ngày 30/10/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Để các tổ chức, cá nhân người nộp thuế nắm bắt kịp thời các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2022/NĐ-CP, Cục Thuế đã đăng tải toàn văn Nghị định số 91/2022/NĐ-CP trên Website Cục Thuế Hà Giang theo đường dẫn: <https://hagiang.tct.vn/> tại mục “Hệ thống văn bản ngành thuế” và giới thiệu một số nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau:

1. Bổ sung quy định kết thúc thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định này.

Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.

2. Bổ sung trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế

Nghị định 91/2022/NĐ-CP đã bổ sung trường hợp: Người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý mà trong tháng, quý đó không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của đối tượng nhận thu nhập.

3. Số thuế TNDN tạm nộp 04 quý không được thấp hơn 80% của năm

Nghị định 91/2022/NĐ-CP đã sửa đổi quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP như sau:

Thuế TNDN (trừ thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài; thuế TNDN kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này). Người nộp thuế phải tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế TNDN cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ

sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.

Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.

Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế TNDN theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được. Trường hợp chưa bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và chưa tính vào doanh thu tính thuế TNDN trong năm thì người nộp thuế không tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm mà tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN khi bàn giao bất động sản đối với từng phần hoặc toàn bộ dự án.

4. Sửa đổi quy định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Theo Nghị định 91/2022/NĐ-CP, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

Người nộp thuế phải tự xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tạm nộp quý chậm nhất vào ngày 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ nộp và được trừ số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán năm.

Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ

ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số phải tạm nộp 03 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý 03 đến ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Đối với số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp tăng thêm khi thực hiện khai bổ sung do điều chỉnh kết quả xếp loại DN theo công bố của chủ sở hữu từ thời điểm ngày tiếp sau ngày cuối cùng của hạn nộp lợi nhuận sau thuế còn lại theo quyết toán năm đến thời hạn công bố kết quả xếp loại DN của chủ sở hữu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền thì DN không phải nộp tiền chậm nộp.

Người đại diện phần vốn của DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm biểu quyết chi trả cổ tức, lợi nhuận khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật DN đồng thời đề nghị, đơn đốc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Sửa đổi quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa

DN có hoạt động khai thác và tiêu thụ than nội địa thông qua hình thức quản lý và giao cho các công ty con hoặc đơn vị phụ thuộc khai thác, chế biến và tiêu thụ thì đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than thực hiện khai thuế cho toàn bộ số thuế bảo vệ môi trường phát sinh đối với than khai thác thuộc diện chịu thuế và nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp kèm theo Bảng xác định số thuế phải nộp cho từng địa phương nơi có công ty khai thác than đóng trụ sở theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Chủ sở hữu sàn thương mại điện tử phải khai báo với cơ quan thuế thông tin của người bán hàng

Theo khoản 7 Điều 1 Nghị định 91/2022/NĐ-CP, tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo quy định cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử bao gồm: Tên người bán hàng; Mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện

thoại liên lạc; Doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn.

Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hàng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, bằng phương thức điện tử, qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo định dạng dữ liệu do Tổng cục Thuế công bố.

7. Thay thế mẫu thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn

Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn theo Mẫu số 04-1/CC ban hành kèm theo Nghị định 91/2022/NĐ-CP thay thế Mẫu số 04-1/CC tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

8. Bổ sung mẫu văn bản đề nghị điều chỉnh giảm tiền chậm nộp

Theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định 91/2022/NĐ-CP, tính đến ngày 30/10/2022 người nộp thuế có số thuế tạm nộp 03 quý đầu kỳ tính thuế năm 2021 thấp hơn 75% số phải nộp theo quyết toán năm, thì được áp dụng tỷ lệ tạm nộp 04 quý quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định này nếu không tăng thêm số tiền chậm nộp.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra đã tính tiền chậm nộp theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm g khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và khi áp dụng quy định tỷ lệ tạm nộp 04 quý tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định này được giảm số tiền chậm nộp thì người nộp thuế có văn bản đề nghị điều chỉnh giảm tiền chậm nộp theo Mẫu số 01/GTC gửi cơ quan thuế nơi phát sinh tiền chậm nộp (là cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế có hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN).

Sau khi điều chỉnh giảm mà có số tiền chậm nộp nộp thừa thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 và Chương VIII Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cục Thuế Thông báo để các tổ chức, cá nhân người nộp thuế biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì liên hệ với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các phòng thuộc Cục Thuế;
- Các Chi cục Thuế;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Trọng Thủy